

Số: 4747/BC-SCT

Hung Yên, ngày 08 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO

Giải pháp tháo gỡ vướng mắc về cấp phép, nâng công suất khai thác và đấu giá quyền khai thác mỏ cát; áp dụng cơ chế đặc thù về nguồn vật liệu cho các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Sở Xây dựng.

Thực hiện đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 5434/SXD-KT&VLXD ngày 02/10/2026 về việc đề nghị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải pháp tháo gỡ vướng mắc về cấp phép, nâng công suất khai thác và đấu giá quyền khai thác mỏ cát; nghiên cứu áp dụng cơ chế đặc thù về nguồn vật liệu cho các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh. Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo như sau:

I. Giải pháp tổng thể để đảm bảo nguồn cung vật liệu phục vụ các dự án của tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên không có mỏ vật liệu đá, đất đắp, chỉ có các điểm mỏ cát sông, cát biển, trữ lượng chỉ đáp ứng một phần nhu cầu cho một số dự án trên địa bàn tỉnh. Để tháo gỡ khó về nguồn vật liệu cho các dự án, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan thực hiện một số giải pháp như sau:

1. Cấp phép các mỏ cát sông, cát biển có trong quy hoạch theo cơ chế đặc thù và theo quy định pháp luật về địa chất và khoáng sản (đấu giá quyền khai thác khoáng sản).

Từ nay đến năm 2030 tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép được 20 mỏ cát sông, công suất khai thác 2,0 triệu m³/năm và cấp phép được 12 mỏ cát biển, công suất khai thác trung bình khoảng 12 triệu m³/năm.

Về việc nâng công suất các mỏ đang hoạt động:

- Đối với 05 mỏ cát biển đang khai thác: Các mỏ đều có công suất khai thác trên 0,5 đến 01 triệu m³/năm và cát biển cũng chỉ sử dụng được cho một số dự án, công trình. Hiện nay các mỏ chưa tiêu thụ được hết sản lượng theo công suất khai thác đã cho phép do nhu cầu hạn chế. Vì vậy, việc nâng công suất là không cần thiết.

- Đối với các mỏ cát sông: Trữ lượng các mỏ còn lại ít và việc nâng công suất phải lập điều chỉnh hồ sơ cấp giấy phép (*Lập, trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường điều chỉnh và thiết kế cơ sở điều chỉnh, thiết kế mỏ điều chỉnh*) cũng tương tự như cấp giấy phép khai thác mới. Ngoài ra việc nâng công suất còn ảnh hưởng, tác động đến sự thay đổi dòng chảy và lòng, bờ, bãi sông.

(Có Phụ lục kèm theo)

2. Sử dụng các vật liệu thay thế cát san lấp.

- *Sử dụng sản phẩm từ các dự án nạo vét:* Hiện nay đang có một số dự án nạo vét: Dự án Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trên luồng đường thủy nội địa quốc gia sông Trà Lý, khối lượng sản phẩm nạo vét dự báo khoảng trên 3,2 triệu m³.

Giao Sở Xây dựng tiếp tục rà soát, khảo sát, lập danh mục các khu vực nạo vét trên các tuyến sông, đề xuất Bộ Xây dựng phê duyệt và ủy quyền cho UBND tỉnh thực hiện các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm phục vụ các dự án của tỉnh.

- *Sử dụng bùn, đất tận thu từ các dự án xây dựng:* Hàng năm có nhiều dự án xây dựng công trình, nuôi trồng thủy sản, phá dỡ công trình xây dựng... cần phải loại bỏ khối lượng bùn, đất và chất thải xây dựng có thể sử dụng, khối lượng dự kiến hàng năm có khoảng trên 1,5 triệu m³/năm.

- *Sử dụng tro, xỉ của 02 Nhà nhiệt điện Thái Bình:* Hiện nay đã có một số dự án sử dụng tro, xỉ để san lấp, với nguồn tro, xỉ của 02 Nhà nhiệt điện Thái Bình mỗi năm có khoảng 1,4 triệu tấn/năm.

3. Đề nghị các tỉnh lân cận hỗ trợ.

Các sở, ngành tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các tỉnh lân cận hỗ trợ, cung cấp vật liệu xây dựng cho tỉnh và kết nối cho các doanh nghiệp có nhu cầu.

II. Áp dụng cơ chế đặc thù về nguồn vật liệu cho các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (đợt 1) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 1605/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 (gồm 06 mỏ cấp phép thăm dò, khai thác theo tiêu chí quy định tại điểm a khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ theo cơ chế đặc thù); trữ lượng tài nguyên dự báo 8,0 triệu m³, đáp ứng cơ bản cho các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

Sở Công Thương gửi Sở Xây dựng tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GĐ, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị;
- Website Sở;
- Lưu: VT, QLCN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ký bởi: Sở Công Thương (M)
Thời gian ký: 08/10/2026 15:27:47

Nguyễn Xuân Bắc

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP NGUỒN VẬT LIỆU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HUNG YÊN
(Kèm theo Báo cáo số 4747/BC-SCT ngày 08 tháng 10 năm 2026 của Sở Công thương)

STT	Địa điểm, tên dự án/mỏ	Chủ đầu tư hoặc đơn vị được cấp phép	Hình thức cấp	Giấy phép, ngày cấp	Trữ lượng còn lại (m ³)	Công suất (m ³ /năm)
I	Các điểm mỏ đã được cấp phép khai thác				19.299.590	4.535.620
1	Huyện Tiền Hải, mỏ TH03 (<i>cát Biển</i>)	Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Thăng Long	Đấu giá	số 43/GP-UBND ngày 27/5/2024	2.706.000	550.000
2	Huyện Tiền Hải, mỏ TH04 (<i>cát Biển</i>)	Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Việt Thành	Đấu giá	số 2066/GP-UBND ngày 05/12/2025	2.520.528	517.800
3	Huyện Tiền Hải, mỏ TH11 (<i>cát Biển</i>)	Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Việt Thành	Đấu giá	số 44/GP-UBND ngày 27/5/2024	3.786.286	830.000
4	Huyện Tiền Hải, mỏ TH12 (<i>cát Biển</i>)	Công ty TNHH xây dựng Nam Trung Hải	Đấu giá	số 42/GP-UBND ngày 27/5/2024	3.445.609	750.000
5	Mỏ cát Thụy Trường 01 (<i>cát Biển</i>)	Công ty CP Hải Đăng Thái Bình	Không đấu giá	số 50/GP-UBND ngày 19/6/2025	3.772.051	1.000.000
6	Mỏ cát số 4, xã Hồng An (<i>cát sông</i>)	Công ty Cổ phần cát Đại Lợi	Không đấu giá	Số 13 /GP-UBND, ngày 07/6/2016	429.968	62.400
7	Mỏ cát Dốc Vắn, thị trấn Hưng Nhân (<i>cát sông</i>)	Công ty Cổ phần cát Đại Lợi	Không đấu giá	Số 14 /GP-UBND, ngày 07/6/2016	489.745	81.120
8	Xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu (<i>cát sông</i>)	Cty TNHH Minh Phương	Đấu giá	1282/GP-UBND ngày 07/10/2025	810.000	95.000
9	Xã Mai Động, huyện Kim Động (<i>cát sông</i>)	Cty TNHH XD Đức An Hưng Yên	Đấu giá	1502/GP-UBND ngày 23/10/2025	159.113	35.000
10	Xã Tân Hưng, TP Hưng Yên (<i>cát sông</i>)	Cty CP ĐTXD Hà Thành UDIC	Đấu giá	1503/GP-UBND ngày 23/10/2025	446.363	70.000
11	Mỏ cát sông Hồng SH-02 xã Nam Tiền Hải	Công ty Cổ phần SHC	Cấp theo cơ chế đặc thù (CT-08)	Số: 2026/GP-UBND ngày 26/6/2026	167.533	144.300
12	Mỏ cát sông Hồng (SH-04) thuộc xã Thụ Vĩ	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng hạ tầng Hoàng Cầu	Cấp theo cơ chế đặc thù	Số: 2440/GP-UBND ngày 06/8/2026	249.788	150.000

			(CT-08)			
13	Mỏ cát sông Hồng (SH-05) thuộc xã Thụ Vũ	Công ty Cổ phần Xây dựng Xuân Quang	Cấp theo cơ chế đặc thù (CT-08)	Số: 2631/GP-UBND ngày 23/8/2026	316.606	250.000
II	Các mỏ đã phê duyệt khu vực không đấu giá đang làm thủ tục cấp phép				11.770.915	Đã cấp phép thăm dò
1	Mỏ cát sông Hồng xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, (SH -03) (nay là xã Bình Thanh)				480.000	
2	Mỏ cát sông Hồng xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, (SH -04) (nay là xã Thụ Vũ)				465.000	
3	Mỏ cát sông Hồng xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, (SH -05) (nay là xã Thụ Vũ)				430.000	
4	Mỏ cát sông Hồng xã Hồng Lý, huyện Vũ Thư, (SH -07) (nay là xã Vạn Xuân)				435.000	
5	Mỏ cát biển Tiền Hải (TH01)				5.697.000	
6	Mỏ Phườnng Hồng Châu				408.915	
7	Mỏ cát xã Minh Tân, huyện Hưng Hà (SH -08)				324.000	
8	Mỏ cát xã Tiến Đức, xã Hồng An huyện Hưng Hà (SH-09)				300.000	
9	Mỏ cát xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư (SH-06)				318.000	
10	Mỏ cát xã Tân Châu, huyện Khoái Châu				900.000	
11	Mỏ cát xã Nam Phú, huyện Tiền Hải (SH -01)				513.000	
12	Mỏ cát xã Chí Tân, huyện Khoái Châu				600.000	
13	Mỏ cát xã Đại Tập, huyện Khoái Châu				900.000	
III	Các mỏ còn trữ lượng đề nghị cấp lại GP				1.733.650	Đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị

						cấp lại giấy phép
1	Mỏ cát xã Đức Hợp, huyện Kim Động (nay là xã Đức Hợp)				900.000	
2	Mỏ cát xã Đông Ninh, huyện Khoái Châu (nay là xã Châu Ninh)				419.400	
3	Mỏ cát xã Bình Thanh, huyện Kiến Xương (nay là xã Bình Thanh)				414.250	